

NHỮNG KHÓ KHĂN CỦA DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH

Đỗ Ngọc Khanh
Viện Tâm lý học.

Các doanh nghiệp tư nhân ở Việt Nam còn gặp nhiều khó khăn do các yếu tố khách quan và chủ quan tạo nên. Kết quả điều tra 151 chủ các doanh nghiệp tư nhân (DNTN) cỡ lớn, vừa và nhỏ ở Hà Nội năm 2005 của chúng tôi cho thấy có đến 2/3 số doanh nghiệp đã gặp phải khó khăn kể cả chủ quan lẫn khách quan trong việc triển khai các ý định kinh doanh. Đây là điều rất đáng quan tâm sau nhiều năm Chính phủ nỗ lực cải thiện môi trường kinh doanh. Thực tế này đòi hỏi phải tìm hiểu vấn đề cụ thể và kỹ càng hơn.

Bài viết này trình bày về một số khó khăn của các doanh nghiệp tư nhân ở Hà Nội có liên quan đến hệ thống luật pháp hiện hành.

1. Tình hình chung

Trả lời câu hỏi “Luật doanh nghiệp hiện nay về lĩnh vực DNTN còn có các điều khoản gây khó khăn cho hoạt động doanh nghiệp của ông (bà) hay không”, vẫn có tới hơn 1/4 (27%) số chủ doanh nghiệp trả lời là có. Đó là một con số đáng kể.

Trước các khó khăn liên quan đến hoạt động kinh doanh, các nhà doanh nghiệp lo lắng như thế nào? Bảng 1 dưới đây trình bày mức độ lo lắng của họ về 22 khía cạnh khác nhau có liên quan đến luật pháp và thực thi luật pháp theo 4 mức độ là *không lo lắng*, *lo lắng một ít*, *tương đối lo lắng* và *rất lo lắng* (Độ tin cậy Alpha Cronbach của thang đo = 0,975). Điểm trung bình cho bộ thang đo này bằng 2,18. Nói cách khác, xét về tổng thể, mức lo lắng chung ở trên mức độ có *lo lắng một ít*.

Kết quả trình bày ở bảng 1 cho thấy những vấn đề về pháp luật có liên quan đến hoạt động kinh doanh gây cho các chủ doanh nghiệp lo lắng nhiều hơn cả bao gồm:

(1) Thủ tục hành chính rườm rà (ĐTB = 2,70).

(2) Người thi hành luật pháp không nghiêm (ĐTB = 2,47); luật/quy định chống hàng lậu chưa hữu hiệu (ĐTB = 2,47).

(3) Thiếu các điều luật có tác dụng kích thích DNTN phát triển (ĐTB = 2,39) và chưa có hoặc các điều khoản bảo vệ thương phẩm hay quyền sở hữu trí tuệ chưa rõ ràng (ĐTB = 2,39). Việc “cán bộ giải quyết thủ tục, hồ sơ hay yêu sách, những nhiều” cũng là vấn đề được nhiều DNTN bày tỏ mối quan tâm lo lắng (ĐTB = 2,15).

Nói cách khác, việc tiếp tục nỗ lực cải thiện thủ tục hành chính, nhất là yếu tố con người trong bộ máy hành chính, vẫn đang là vấn đề DNTN quan tâm hơn cả xét về khía cạnh chính sách và thực thi chính sách.

Bảng 1: Mức độ lo lắng của chủ DNTN về hệ thống luật pháp

Các vấn đề	Điểm TB	Mức độ lo lắng (%)			
		Không lo	Ít lo	Tương đối lo	Rất lo lắng
Các quy định không bình đẳng giữa DNTN và Doanh nghiệp Nhà nước (DNNN)	1.91	40.3	36.9	14.8	8.1
Các chính sách thay đổi liên tục, không ổn định	2.19	29.3	34.7	24.0	12.0
Các chính sách chưa thật cụ thể	2.22	25.0	39.2	24.3	11.5
Thủ tục hành chính rườm rà	2.70	5.4	43.0	28.2	23.5
Luật doanh nghiệp còn thiếu nhiều chi tiết cụ thể	2.14	28.4	40.5	19.6	11.5
Luật doanh nghiệp còn chưa chặt chẽ, lắm kẽ hở	2.13	34.5	30.4	23.0	12.2
Quản lý Nhà nước yếu	2.01	47.6	19.7	17.0	12.2
Thiếu các điều luật có tác dụng kích thích DNTN phát triển	2.39	11.5	54.1	18.9	15.5
Chưa có hoặc các điều khoản bảo vệ thương phẩm hay quyền sở hữu trí tuệ chưa rõ ràng	2.39	15.3	44.0	26.7	14.0
Khung hình phạt đối với những DN làm sai chưa thích đáng	2.29	15.5	34.9	14.8	14.8
Hệ thống thuế không hợp lý	2.19	28.9	36.2	21.5	13.4
Luật chưa hữu hiệu chống hàng lậu	2.47	21.2	33.6	21.9	23.3
Kiểm tra, thanh tra gắt gao đối với DNTN và tỏ ra dễ dãi đối với DNNN	2.25	39.6	18.1	20.1	22.1
Luật “rùng” mạnh hơn luật pháp	1.97	53.0	14.1	16.1	16.8
Những người làm luật thiếu kiến thức	2.07	41.6	22.8	22.8	12.8
Những người làm luật chưa ủng hộ DNTN	2.30	18.7	45.3	23.3	12.7
Những người thi hành luật không nghiêm	2.47	15.3	42.7	22.0	20.0
Mỗi người thi hành luật có luật riêng của mình	1.97	50.3	17.7	16.3	15.6
Cán bộ giải quyết thủ tục, hồ sơ thiếu trình độ	1.99	47.3	19.3	20.7	12.7
Cán bộ giải quyết thủ tục, hồ sơ hay yêu sách, những nhiều	2.15	44.0	16.0	20.7	19.3
Cán bộ kiểm tra, thanh tra hay những nhiều	2.13	45.0	14.8	22.1	18.1
Tổng	2.18				

Mặt khác, sau nhiều năm đổi mới, sự bất bình đẳng giữa DNTN và DNNN Nhà nước đã được giảm thiểu đáng kể, ít nhất là về mặt chính sách và vì thế, DNTN ít lo lắng hơn cả (ĐTB= 1.91).

Mức độ lo lắng theo một số biến độc lập

Các mức độ khó khăn mà chủ các DNTN thường gặp ở các doanh nghiệp khác nhau cũng khác nhau. Bảng 2 dưới đây cho thấy mức độ lo lắng của các doanh nghiệp có tương quan với các biến số như: trình độ học vấn của các chủ doanh nghiệp, vốn cố định của doanh nghiệp, nguồn gốc của doanh nghiệp, loại mặt hàng kinh doanh, số lượng nhân viên, tuổi đời của chủ DNTN, số năm kinh doanh và loại doanh nghiệp là doanh nghiệp tư nhân hay công ty trách nhiệm hữu hạn. Cụ thể, *những người có trình độ học vấn càng cao, trải qua nhiều khóa học, có số lượng nhân viên lớn hơn, và có vốn cố định nhiều hơn, thì mức độ lo lắng càng cao và ngược lại.*

Bảng 2: *Tương quan giữa mức độ lo lắng về các điều khoản liên quan đến luật và một số đặc điểm của chủ DNTN*

	Trình độ học vấn	Khóa học đã qua	Nguồn gốc DN	Mặt hàng kinh doanh	Số lượng nhân viên	Vốn cố định	Thích công việc KD	Loại doanh nghiệp
Mức độ lo lắng về các điều khoản luật pháp liên quan đến doanh nghiệp	.372	.337	.183	-.197	.189	.459	-.243	.589
P	.000	.001	.026	.017	.038	.000	.003	.000

Chú thích: ** Tương quan có ý nghĩa ở mức độ 0.01 .

* Tương quan có ý nghĩa ở mức độ 0.05.

Sự khác biệt theo trình độ học vấn

Kết quả khảo sát trình bày trong bảng 3 cho thấy những chủ doanh nghiệp có trình độ văn hóa càng cao thì mức độ lo lắng về những điều khoản của luật doanh nghiệp có liên quan đến hoạt động của họ càng cao. Cụ thể, những người có trình độ đại học có mức độ lo lắng cao hơn những người trình độ phổ thông (Sự khác biệt của điểm trung bình/Mkb = 0,65; p = 0,001), cao hơn những người trình độ trung cấp, cao đẳng (Mkb = 0,35; p = 0.02). Tương tự, những người có trình độ sau đại học có mức lo lắng cao hơn cả và cao hơn một cách có ý nghĩa với những người có trình độ đại học, trung cấp, cao đẳng và phổ thông. Hệ số khác biệt là rất lớn từ 0,7 đến 1,35 với p<0.001). Phải chăng những người có trình độ học vấn càng cao thì càng có thông tin và ý thức

pháp luật cao hơn và vì vậy khi nhận thấy những điều khoản luật không thuận lợi cho doanh nghiệp thì họ càng lo lắng hơn?.

Bảng 3: Sự khác biệt giữa các biến độc lập về mức độ lo lắng

So sánh	Trung bình khác biệt	Hệ số có ý nghĩa p
Đại học > Phổ thông	.65(*)	.001
Đại học > Trung cấp, cao đẳng	.35(*)	.021
Sau đại học > Phổ thông	1.35(*)	.000
Sau đại học > Trung cấp, cao đẳng	1.05 (*)	.001
Sau đại học > Đại học	.70(*)	.024
Mua lại > Thừa kế	.79 (*)	.031
Kết hợp > Thừa kế	.45(*)	.030
Cty TNHH > Cty tư nhân	.90(*)	.000
Doanh nhân trẻ tuổi > Doanh nhân trung tuổi	.48(*)	.007
Doanh nhân lớn tuổi > Doanh nhân trung tuổi	.56(*)	.001
Số năm KD ít hơn 5 năm > Số năm KD từ 6 đến 10 năm	.50(*)	.001
Số năm KD ít hơn 5 năm > Số năm KD trên 10 năm	.71(*)	.000
Có trên 30 nhân viên > Ít hơn 10 nhân viên	.38(*)	.023
Có trên 30 nhân viên > Có từ 11 đến 30 nhân viên	.36(*)	.030

Chú thích: * Khi hệ số có ý nghĩa < 0.05

Sự khác biệt theo nguồn gốc và loại hình doanh nghiệp

Nguồn gốc của doanh nghiệp cũng có tương quan với mức độ lo lắng về hệ thống luật pháp có thể gây khó khăn cho hoạt động của doanh nghiệp. Cụ thể, những chủ doanh nghiệp được *thừa kế* có mức độ lo lắng thấp hơn những chủ doanh nghiệp *mua lại* của người khác hoặc *kết hợp* với những người khác. Có thể các doanh nghiệp được thừa kế từ thế hệ trước đã làm ăn lâu năm, trải qua thăng trầm, có kinh nghiệm ứng phó với những thay đổi hay bất định nên họ ít lo lắng hơn, ít chịu sức ép hơn những doanh nghiệp mới hình thành, mới đăng ký kinh doanh.

Một điều đặc biệt nữa là loại hình doanh nghiệp cũng ảnh hưởng đến mức độ lo lắng về hệ thống luật pháp. Những doanh nghiệp là công ty tư nhân ít lo lắng hơn những công ty trách nhiệm hữu hạn. Cũng có thể là công ty TNHH chịu nhiều ràng buộc và trách nhiệm kinh doanh, trách nhiệm xã hội hơn và vì vậy mà họ lo lắng nhiều hơn.

Sự khác biệt theo tuổi tác và số năm kinh doanh

Kết quả ở bảng 3 cho thấy nhóm doanh nhân dưới 30 tuổi và trên 40 tuổi có mức độ lo lắng cao hơn những doanh nhân trung niên trong độ tuổi từ 31

đến 40. Những doanh nhân có số năm kinh doanh ít hơn cũng có mức độ lo lắng nhiều hơn so với những doanh nhân có số năm kinh doanh nhiều hơn (điểm trung bình khác biệt = 0,5 và 0,71 khi $p < 0.001$). Phải chăng sự khác biệt này có thể qui về sự thay đổi của tuổi tác số kinh nghiệm kinh doanh. Chưa có điều kiện đi sâu thêm tìm hiểu nguyên nhân nên chúng tôi chỉ dừng lại ở chỗ ghi nhận và phát hiện sự khác biệt mức độ lo lắng theo lứa tuổi.

Số lượng nhân viên nhiều hay ít cũng có tương quan đến mức độ lo lắng của chủ doanh nghiệp về hệ thống pháp luật kinh doanh. Càng có nhiều nhân viên trong công ty các chủ doanh nghiệp càng lo lắng về các điều khoản trong luật doanh nghiệp tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp mình. Điểm trung bình về mức độ lo lắng của các doanh nghiệp có trên 30 nhân viên lớn hơn điểm trung bình về mức độ lo lắng của các doanh nghiệp có ít hơn 10 nhân viên là bằng 0.38 với $p = 0.023$ và các doanh nghiệp có từ 11 đến 30 nhân viên là bằng 0.36 với $p = 0.03$. Có lẽ, càng có nhiều công nhân thì qui mô sản xuất kinh doanh càng lớn, chi phí cho lao động càng cao, nghĩa vụ (bảo hiểm lao động và các chi phí cho công nhân) của chủ doanh nghiệp càng cao. Điều đó tạo áp lực lớn hơn đối với chủ doanh nghiệp trước các vấn đề ràng buộc về mặt luật pháp.

Tóm lại, hệ thống luật pháp kinh doanh của Việt Nam, tuy đã có nhiều thay đổi tích cực trong những năm gần đây, nhưng vẫn còn một số điểm cần tiếp tục cải thiện. Mức độ lo lắng của các chủ DNTN có tương quan với trình độ học vấn, tuổi tác, số năm kinh doanh, nguồn gốc doanh nghiệp, loại hình doanh nghiệp và số lượng nhân viên, công nhân trong doanh nghiệp của họ.

2. Khó khăn liên quan đến chính sách và thực thi chính sách

Câu hỏi tiếp theo được đặt ra là những lo lắng chung của DNTN về các khó khăn liên quan đến hệ thống luật pháp kinh doanh ở Việt Nam vừa trình bày trên đây được biểu hiện cụ thể như thế nào?

Để xem xét vấn đề này chúng tôi tạm chia các khó khăn của họ thành 2 nhóm:

- Các khó khăn liên quan đến chính sách, pháp luật và thủ tục hành chính.
- Các khó khăn liên quan đến những người thực thi các chính sách.

2.1. Khó khăn liên quan đến các chính sách, pháp luật và thủ tục hành chính

Trong số những người bày tỏ lo lắng, có đến hơn 50% số chủ DNTN thể hiện mức độ lo lắng từ “khá lo lắng” đến “rất lo lắng” về vấn đề này. Họ lo lắng các thủ tục hành chính rườm rà làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của doanh nghiệp. Nhiều khi chỉ vì thủ tục mà các doanh nghiệp bị thua lỗ do mất

cơ hội kinh doanh. Cũng chính vì thủ tục rườm rà mà không ít các doanh nghiệp gặp khó khăn trong vấn đề vay vốn để hoạt động. Trường hợp anh M, giám đốc công ty A, không phải là ngoại lệ khi anh bức xúc: *“Thủ tục hành chính quá lằng nhằng và rườm rà. Đi đến đâu phải có “phong bì” đến đó, tìm mọi cách để bóc lột doanh nghiệp, không có tiền thì trì hoãn công việc, không giải quyết.”*

Nhiều năm qua Việt Nam đã thực hiện chương trình cải cách hành chính và đã thu được những kết quả nhất định, song còn rất nhiều việc phải làm. Theo ý kiến của những người được phỏng vấn thì khó khăn của các chủ DNTN không phải chỉ do những thủ tục hành chính rườm rà mà còn do những điều luật được thiết kế chưa phù hợp. Có tới 58,4% số chủ DNTN lo lắng về việc hiện nay những người làm luật thiếu kiến thức (bảng 1), đưa ra những điều thuận lợi cho phía quản lý hơn là thuận lợi cho doanh nghiệp. Kết quả là một số điều luật thiếu chi tiết, thiếu cụ thể, một số văn bản dưới luật gây trở ngại cho hoạt động kinh doanh, tạo kẽ hở cho việc gây phiền hà, nhũng nhiễu.

Sự thay đổi các chính sách liên tục (tính không ổn định) cũng ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp. Đó là chưa nói đến việc một số chính sách chưa cụ thể, chặt chẽ, nhiều kẽ hở tạo điều kiện cho việc thực thi thiếu minh bạch, rất bất lợi cho doanh nghiệp. Doanh nghiệp khó có thể yên tâm đầu tư phát triển doanh nghiệp với các chính sách không ổn định như vậy.

Tóm lại, thủ tục hành chính rườm rà, các chính sách hay thay đổi, không ổn định, không cụ thể rõ ràng, thiếu chi tiết, thiếu các điều luật có tác dụng kích thích doanh nghiệp kinh tế tư nhân phát triển, các qui định không bình đẳng giữa DNTN và DNNN và những người làm luật thiếu kiến thức, không ủng hộ DNTN, đã làm cho nhiều doanh nghiệp lo lắng và có ảnh hưởng đến các hoạt động của họ.

2.2. Khó khăn khách quan liên quan đến những người thực thi các chính sách, pháp luật

a. Việc làm ra những chính sách, pháp luật thông thoáng, khuyến khích người dân đã khó nhưng việc thực thi tốt những chính sách đó cũng khó không kém. Trước hết, nhiều DNTN lo lắng về thái độ của các viên chức hành chính không tích cực, thiếu ủng hộ DNTN. Kết quả khảo sát cho thấy có 82,3% các chủ doanh nghiệp bày tỏ lo lắng về việc những người thực thi chính sách liên quan đến DNTN. Đây là một con số rất đáng lo ngại. Có 59,4% số chủ doanh nghiệp được hỏi cho rằng họ lo lắng các quy định không bình đẳng giữa DNTN và DNNN sẽ gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp họ (bảng 1). Một số chủ doanh nghiệp cho rằng: *“Có sự phân biệt đối xử giữa DNNN và DNTN. Trong khi các DNNN thì được cấp vốn, nhà xưởng, văn phòng, thậm chí không dùng hết đem cho thuê. Họ thậm chí được bảo hộ, còn các DNTN phải tự lo từ A đến Z, không nhận được bất cứ sự hỗ trợ nào từ Nhà nước”*. Cảm giác bị phân

biệt giữa “con đẻ” (DNN) và “con nuôi” (DNTN) đã giảm nhiều, nhưng vẫn hiện diện trong tâm lý của nhiều DNTN. Chính sách của Nhà nước trong những năm qua đã thể hiện sự đối xử công bằng giữa DNN và DNTN, nhưng thực tế còn rất nhiều việc phải tiếp tục cải thiện.

b. Khi được hỏi có khó khăn gì liên quan đến những người thực thi các chính sách kinh doanh không thì có tới 43% số chủ doanh nghiệp nói rằng “không hề gặp khó khăn”, 29,5% - “khó khăn một ít”, 18,8% - “tương đối khó khăn”, chỉ có 8,7% - “gặp rất nhiều khó khăn” (bảng 1). Những con số này cho thấy tình hình có vẻ khá lạc quan. Tuy nhiên, khi trao đổi về từng vấn đề cụ thể (cán bộ thực thi các chính sách có gây khó khăn hay không, có nghiêm hay không, có gì lo ngại hay không...) lại nổi cộm một vấn đề: *dạo đức và năng lực* của những người thi hành công vụ. Nhận định của ông M vừa dẫn trên đây được nhiều chủ DNTN đề cập. Vấn đề này được ẩn dưới sự lo lắng về “*thủ tục hành chính rườm rà*” có ĐTB (2,70) cao nhất (bảng 1). Kết quả khảo sát cho thấy có đến 40% số doanh nghiệp được hỏi có lo lắng về việc cán bộ giải quyết thủ tục, lập hồ sơ và cán bộ kiểm tra, thanh tra hay yêu sách, những nhiễu.

Trong hội nghị quốc tế tổng kết cải cách hành chính Việt Nam 2001-2005 tổ chức tại Hà Nội ngày 29-30/11/2005 (<http://www.vnn.vn> ngày 31/11/2005) ông David Ma, chuyên gia quốc tế đã đánh giá “*Cách thức làm việc của công chức và cơ quan công quyền (Việt Nam) chưa có những thay đổi cơ bản*”.

Từ kết quả nghiên cứu và các phân tích trên đây có thể đi đến kết luận rằng những vấn đề về pháp luật có liên quan đến hoạt động kinh doanh vẫn còn gây cho các chủ doanh nghiệp khó khăn và làm họ lo lắng. Những khó khăn, cản trở này nằm trong các chính sách liên quan đến DNTN và việc thực thi các chính sách đó. Trong hai nhóm khó khăn thì nhóm thứ 2 (yếu tố con người) có phần nổi cộm hơn và cũng khó thay đổi hơn. Làm sao để có được những đội phá trong cải cách hành chính cũng có nghĩa là khuyến khích mạnh mẽ hơn nữa các nguồn đầu tư, phát triển kinh tế từ tất cả các thành phần, trong đó có DNTN.